

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ THỰC PHẨM**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thiết bị thực phẩm là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6792/QĐ/BNN-TCCB ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty Thiết bị Thực phẩm thành Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0303000043 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 5 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ của Công ty đã được chứng nhận theo 9 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ho và tên:

Chức vụ:

- Ông Nguyễn Minh Hồng	(i)	Tổng Giám đốc
- Ông Mai Đức Thành	(ii)	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Hồng	(iii)	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Mai Đức Thành		Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Lý		Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Đình Đoàn	(iv)	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Mạnh Hùng		Phó Tổng Giám đốc

(i): Ông Nguyễn Minh Hồng thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2010 theo Quyết định số 21/2009/FSEC-HĐQT/QĐ ngày 31/12/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(ii): Ông Mai Đức Thành được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2010 theo Quyết định số 23/2009/FSEC-HĐQT/QĐ ngày 31/12/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(iii): Ông Nguyễn Minh Hồng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2010 theo Quyết định số 25/2009/FSEC-HĐQT/QĐ ngày 31/12/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty.

(iv): Ông Lê Đình Đoàn thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/02/2010 theo Quyết định số 03/2010/FSEC/-HĐQT/QĐ ngày 27/01/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính và nhà xưởng tại Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng đại diện tại Hà Nội có địa chỉ tầng 7, toà nhà Bảo Việt, số 8, phố Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội;
- Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 276 Lê Văn Sỹ, TP. Hồ Chí Minh; và
- Văn phòng đại diện tại Quảng Bình có địa chỉ tại Xã Nhân Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, hoạt động chính của Công ty gồm: sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ bằng kim loại (sản xuất, kinh doanh và tái kiểm định bình, bồn chứa chịu áp lực, chứa các loại ga hóa lỏng, bình cứu hỏa, bình ôxy dùng cho xây dựng và công nghiệp); buôn bán sắt, thép, thép ống, thép hình loại màu (kết cấu thép, sắt thép xây dựng, ống kim loại, tôn và lá thép, dây kim loại); hoàn thiện công trình xây dựng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết số 01/2010/FSEC-ĐHĐCĐ/BB của Đại hội đồng cổ đông của Công ty, kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2010, Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm được đổi tên thành Công ty Cổ phần Linh Gas Việt Nam.

Ngoài ra đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mai Đức Thành

Số: /2010/BCKT_BDO_HN

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam,
Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Như Tiến
Giám đốc kiểm toán
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0740/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201.082.571.876	148.619.368.333
Tiền và tương đương tiền	110		5.882.829.705	565.260.245
Tiền	111	5.1	5.882.829.705	565.260.245
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.631.112.858	37.348.468.471
Phải thu khách hàng	131		35.758.985.930	36.895.999.801
Trả trước cho người bán	132		4.524.453.261	258.170.073
Các khoản phải thu khác	135	5.2	512.753.819	891.989.322
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.165.080.152)	(697.690.725)
Hàng tồn kho	140		153.231.358.997	109.766.490.778
Hàng tồn kho	141	5.3	154.106.922.832	109.766.490.778
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(875.563.835)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.337.270.316	939.148.839
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.570.174	84.515.464
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	-	101.068.535
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.176.700.142	753.564.840
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.299.205.688	56.129.106.599
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		43.352.458.638	45.952.580.708
TSCĐ hữu hình	221	5.5	36.176.512.263	43.277.089.662
- Nguyên giá	222		97.567.992.908	95.570.448.539
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(61.391.480.645)	(52.293.358.877)
Chi phí XD CB dở dang	230	5.6	7.175.946.375	2.675.491.046
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.269.682.000	7.269.682.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	7.269.682.000	7.269.682.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.677.065.050	2.906.843.891
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.677.065.050	2.906.843.891
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253.381.777.564	204.748.474.932

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
NỢ PHẢI TRẢ	300		226.123.329.198	186.744.908.928
Nợ ngắn hạn	310		208.923.487.277	164.722.441.347
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	102.787.427.058	75.596.537.992
Phải trả người bán	312		93.025.517.532	71.518.328.252
Người mua trả tiền trước	313		6.083.625.746	1.412.048.041
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	3.400.484.133	1.292.332.446
Phải trả người lao động	315		1.614.161.949	549.296.812
Chi phí phải trả	316	5.11	1.111.405.278	1.758.053.085
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	900.865.581	12.595.844.719
Nợ dài hạn	320		17.199.841.921	22.022.467.581
Phải trả dài hạn khác	333		29.500.000	29.500.000
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	16.951.389.391	21.788.495.544
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		218.952.530	204.472.037
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.258.448.366	18.003.566.004
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	27.039.830.196	17.661.049.997
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		23.004.550.000	12.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(218.450.409)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	1.149.019.920
Quỹ dự phòng tài chính	418		407.707.000	407.707.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.846.023.605	4.104.323.077
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		218.618.170	342.516.007
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		218.618.170	342.516.007
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		253.381.777.564	204.748.474.932

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****Hoàng Giang Nam****Mai Duc Thanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	320.417.223.218	235.732.595.320
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	320.417.223.218	235.732.595.320
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	301.274.483.355	214.220.097.566
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.142.739.863	21.512.497.754
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	473.133.421	268.813.765
Chi phí tài chính	22	6.6	9.774.031.694	16.769.415.981
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.717.687.979	13.844.732.113
Chi phí bán hàng	24		3.922.099.113	1.518.953.837
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.583.111.248	4.727.843.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		336.631.229	(1.234.901.497)
Thu nhập khác	31		4.664.346.149	1.443.678.541
Chi phí khác	32		92.696.209	165.998.826
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.571.649.940	1.277.679.715
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.908.281.169	42.778.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	858.949.205	5.988.951
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.049.331.964	36.789.267
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.347	31

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****Hoàng Giang Nam****Mai Duc Thanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp d.vụ và d.thu khác	01	364.888.318.034	268.455.676.147
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(144.014.492.051)	(150.087.002.203)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.131.053.777)	(5.068.601.781)
Tiền chi trả lãi vay	04	(8.507.636.199)	(12.734.125.607)
Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(41.752.689)	(508.000.126)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.578.759.312	25.126.832.953
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.797.121.432)	(13.223.130.935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	188.975.021.198	111.961.648.448
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(25.837.600)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.837.600)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG T.CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.356.310.882	2.985.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(193.758.663.664)	(103.560.319.464)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(10.582.328.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(229.261.356)	(2.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(183.631.614.138)	(111.159.647.464)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5.317.569.460	802.000.984
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	565.260.245	477.417.937
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng.tệ</i>	61	-	(714.158.676)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.882.829.705	565.260.245

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****Hoàng Giang Nam****Mai Duc Thanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thiết bị thực phẩm là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6792/QĐ/BNN-TCCB ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty Thiết bị Thực phẩm thành Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0303000043 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 5 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ của Công ty đã được chứng nhận theo 9 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, composit;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại (sản xuất, kinh doanh và tái kiểm định bình, bồn chứa chịu áp lực, chứa các loại ga hóa lỏng, bình cứu hỏa, bình ôxy dùng cho dân dụng và công nghiệp);
- Sản xuất sắt, thép định hình, (sản xuất khuôn mẫu kim loại và các chi tiết máy có độ chính xác cao dùng cho ngành công nghiệp);
- Chuẩn bị mặt bằng, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Buôn bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Buôn bán sắt, thép, ống thép, thép hình loại màu (kết cấu thép, thép xây dựng, ống kim loại, tôn, thép lá, dây kim loại);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Đại lý du lịch (du lịch trong nước);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; và
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính và nhà xưởng tại Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Văn phòng đại diện tại Hà Nội có địa chỉ tại số 8, ngõ 3, Đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội;
- Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 276 Lê Văn Sỹ, TP. Hồ Chí Minh; và
- Văn phòng đại diện tại Quảng Bình có địa chỉ tại Xã Nhân Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành

Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký chung

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa tỷ giá sau khi quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Ngân hàng Nhà nước công bố với tỷ giá đang hạch toán trên sổ kế toán được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán, Đầu năm sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị văn phòng	03 – 07
Phương tiện vận tải	05 – 10
Nhà xưởng	20 – 50

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là các khoản đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản chi phí đi vay được ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại chưa phân bổ của các công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm; chi phí nghiên cứu sản phẩm mới, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản trong Công ty có giá trị tương đối lớn. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian từ 1 đến 3 năm kể từ khi phát sinh.

4.8 Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí phục vụ cho hợp đồng xây dựng cơ bản, chi phí kiểm định bình gas mới; chi phí lãi vay chưa trả và các khoản chi phí khác.

4.9 Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303000043 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 18 tháng 6 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty là 48.000.000.000 đồng được chia thành 4.800.000 cổ phần. Tuy nhiên tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, số vốn cổ phần thực góp của Công ty là 23.004.550.000 đồng.

4.10 Doanh thu:

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu xây lắp. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận trên cơ sở tương đối chắc chắn khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho khách hàng và xác định được chi phí phát sinh liên quan đến doanh thu ghi nhận; doanh thu xây lắp được ghi nhận trên cơ sở giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT và xác định được chi phí phát sinh liên quan đến doanh thu ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

4.11 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm.

4.12 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Thuế suất thuế GTGT đối với thép các loại, bình gas 45kg, bình cứu hỏa: 5%
- Thuế suất thuế GTGT các hoạt động khác: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%

Năm tài chính 2009, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.13 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	<u>31/12/2009</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2009</u> <u>(VND)</u>
Tiền mặt tại quỹ	(i) 298.838.977	162.813.200
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 5.583.990.728	402.447.045
Cộng	<u>5.882.829.705</u>	<u>565.260.245</u>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2009 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		<u>298.838.977</u>
Cộng		<u>298.838.977</u>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2009 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)	2.130,11 #	38.216.304
Đồng Việt Nam		<u>5.545.774.424</u>
Cộng		<u>5.583.990.728</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Phải thu người lao động cổ phần chậm trả	29.050.000	51.170.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	107.535
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	483.703.819	840.711.787
Cộng	<u>512.753.819</u>	<u>891.989.322</u>

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Hàng mua đang đi đường	5.600.000	502.981.839
Nguyên liệu, vật liệu	108.826.005.589	79.582.132.033
Công cụ, dụng cụ	609.762.844	618.502.315
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.229.602.664	27.834.009.226
Thành phẩm	343.380.232	1.136.293.862
Hàng hoá	-	-
Hàng gửi bán	92.571.503	92.571.503
Cộng	<u>154.106.922.832</u>	<u>109.766.490.778</u>

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	101.068.535
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>101.068.535</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị Văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	13.096.319.638	76.964.118.264	4.770.018.009	739.992.628	-	95.570.448.539
- Mua trong năm	-	251.188.000	171.428.571	37.741.410	-	460.357.981
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.922.695.688	-	-	-	1.922.695.688
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	385.509.300	-	-	385.509.300
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.096.319.638	79.138.001.952	4.555.937.280	777.734.038	-	97.567.992.908
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	4.694.794.505	44.782.934.963	2.326.678.119	488.951.290	-	52.293.358.877
- Khấu hao trong năm	611.609.830	8.193.313.999	515.382.281	70.933.141	-	9.391.239.251
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	293.117.483	-	-	293.117.483
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.306.404.335	52.976.248.962	2.548.942.917	559.884.431	-	61.391.480.645
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	8.401.525.133	32.181.183.301	2.443.339.890	251.041.338	-	43.277.089.662
Tại ngày cuối năm	7.789.915.303	26.161.752.990	2.006.994.363	217.849.607	-	36.176.512.263
Trong đó:						
- Đã KH hết	126.429.000	1.843.961.612	23.832.000	266.665.175	-	2.260.887.787
- Chờ thanh lý	-	73.619.000	13.235.000	-	-	86.854.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Phần mềm kế toán đang thử nghiệm	69.301.200	-
Mở rộng xưởng SX giai đoạn 3	103.477.821	-
Máy hàn các loại	1.602.285.398	-
Máy sản	191.340.445	-
Máy tách ẩm	2.408.004	-
Máy ép thủy lực	382.791.773	-
Dàn pha phối bình chữa cháy	8.303.792	8.303.792
Dự án khu du lịch sinh thái Sao Biển	3.476.719.146	1.327.868.458
Thiết bị nghiền và trộn bột CH	1.339.318.796	1.339.318.796
Cộng	<u>7.175.946.375</u>	<u>2.675.491.046</u>

5.7 Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Đầu tư cổ phiếu	-	-
Đầu tư trái phiếu	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.269.682.000	7.269.682.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh - Công ty (i) TNHH Bạch Đằng	1.200.000.000	1.200.000.000
- Đầu tư vào công ty liên kết - Cty CP (ii) Thực phẩm Vạn Điểm	6.069.682.000	6.069.682.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>7.269.682.000</u>	<u>7.269.682.000</u>

- (i) Công ty góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Bạch Đằng chiếm tỷ lệ 48% vốn điều lệ.
(ii) Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Vạn Điểm với 567.260 cổ phần, chiếm 38% vốn điều lệ.

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Chi phí công cụ dụng cụ	296.953.166	146.620.124
Chi phí nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới	1.380.111.884	2.760.223.767
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>1.677.065.050</u>	<u>2.906.843.891</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Vay ngắn hạn	102.787.427.058	75.596.537.992
NH NN&PTNT Phú Xuyên	89.163.140.981	68.524.098.542
+ <i>Vay VND</i>	<i>68.106.789.492</i>	<i>48.873.602.176</i>
+ <i>Vay USD</i>	<i>21.056.351.489</i>	<i>19.650.496.366</i>
Ngân hàng SHB – CN Thái Hà (VND)	-	4.472.439.450
+ <i>Vay VND</i>	-	<i>3.606.612.450</i>
+ <i>Vay USD</i>	-	<i>865.827.000</i>
Ngân hàng Techcombank (VND)	10.190.000.000	-
Vay cá nhân	3.434.286.077	2.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>102.787.427.058</u>	<u>75.596.537.992</u>

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.675.016.602	1.289.416.456
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	716.127.981	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.339.550	2.915.990
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>3.400.484.133</u>	<u>1.292.332.446</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Phí kiểm định bình gas	734.908.689	346.536.436
Chi phí dịch vụ kinh kế tài chính	95.000.000	70.000.000
Lãi vay phải trả	87.805.776	1.341.516.649
Trích trước tiền điện	165.582.048	-
Chi phí khác	28.108.765	-
Cộng	1.111.405.278	1.758.053.085

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	16.530.930	13.905.866
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	209.602.273	-
Cổ tức phải trả	-	5.779.459.091
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Lãi tiền vay chưa trả	-	5.601.885.847
Các khoản phải trả phải nộp khác	674.732.378	1.200.593.915
Cộng	900.865.581	12.595.844.719

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Vay dài hạn	11.349.503.544	21.788.495.544
NH NN&PTNT Phú Xuyên (VND)	4.500.070.544	11.500.070.544
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VND)	6.849.433.000	10.288.425.000
Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	5.601.885.847	-
Thuê tài chính	-	-
Nợ dài hạn khác	5.601.885.847	-
Cộng	16.951.389.391	21.788.495.544

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

5.14 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	-	1.149.019.920	407.707.000	4.152.639.263	17.709.366.183
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	36.789.267	36.789.267
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	85.105.453	85.105.453
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	12.000.000.000	-	1.149.019.920	407.707.000	4.104.323.077	17.661.049.997
Tăng vốn trong năm nay	11.004.550.000	-	-	-	-	11.004.550.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.049.331.964	4.049.331.964
Tăng khác	-	(218.450.409)	-	-	-	(218.450.409)
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	1.149.019.920	-	4.307.631.436	5.456.651.356
Số dư cuối năm nay	23.004.550.000	(218.450.409)	-	407.707.000	3.846.023.605	27.039.830.196

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	23.004.550.000	12.000.000.000
Ông Nguyễn Hải Lý	3.932.550.000	1.312.500.000
Ông Lê Đình Đoàn	2.367.930.000	1.300.000.000
Ông Phan Thành Tài	-	1.200.000.000
Bà Đoàn Hoài Nam	2.601.850.000	1.276.000.000
Ông Hoàng Văn Bình	2.807.940.000	-
Ông Phạm Thanh Đăng	1.969.740.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	1.881.050.000	-
Ông Nguyễn Văn Hưng	1.706.660.000	-
Các cổ đông khác	5.736.830.000	6.911.500.000
Cộng	23.004.550.000	12.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2009 (VND)	2008 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	23.004.550.000	12.000.000.000
Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	12.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	11.004.550.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	23.004.550.000	12.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	4.077.670.080	-

Cổ tức

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	4.077.670.080	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	4.077.670.080	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Cổ phiếu

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.300.455	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	2.300.455	1.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.300.455	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông	2.300.455	1.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2009</u> (VND)	<u>01/01/2009</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.149.019.920
Quỹ dự phòng tài chính	407.707.000	407.707.000
Cộng	407.707.000	1.556.726.920

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: tạo nguồn để đầu tư, mở rộng sản xuất và bù đắp các tổn thất tài chính khi xảy ra rủi ro.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2009 (VND)	2008 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.417.223.218	235.732.595.320
Doanh thu bán hàng	316.899.980.712	229.512.919.353
Doanh thu cung cấp dịch vụ	961.147.515	506.120.153
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.556.094.991	5.713.555.814

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2009 (VND)	2008 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>	<u>-</u>
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	2009 (VND)	2008 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	<u>320.417.223.218</u>	<u>235.732.595.320</u>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	316.899.980.712	229.512.919.353
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	961.147.515	506.120.153
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	2.556.094.991	5.713.555.814

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2009 (VND)	2008 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	299.017.241.780	210.259.803.626
Giá vốn thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.257.241.575	3.960.293.940
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>301.274.483.355</u>	<u>214.220.097.566</u>

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	2009 (VND)	2008 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.071.870	25.148.896
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	344.061.551	95.323.969
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	100.000.000	148.340.900
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	<u>473.133.421</u>	<u>268.813.765</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ THỰC PHẨM

Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	2009 (VND)	2008 (VND)
Lãi tiền vay	8.717.687.979	13.844.732.113
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	351.999.634
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	939.188.930	1.220.879.152
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.347.430.016
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	117.154.785	4.375.066
Cộng	9.774.031.694	16.769.415.981

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2009 (VND)	2008 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	858.949.205	5.988.951
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	858.949.205	5.988.951

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (BDO AFC), (nay đổi tên là Công ty TNHH BDO Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội.

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Giang Nam

Mai Đức Thành